TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **308**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Vân**

2. Bà **Huỳnh Thị Long**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngô Thị H**, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Minh C**, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 14/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị vẫn sống chung nhà nhưng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh C chung sống có 02 con chung tên Lê Minh C1, sinh năm xxxx và Lê Minh T, sinh ngày xxxx hiện đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh C không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Ngô Thị H dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Minh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, nhận thấy:

- Chị và anh C kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 11/11/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời khai của chị thì chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không phản đối yêu cầu ly hôn của chị. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã nêu là những tình tiết chị không phải chứng minh. Do quá trình chung sống, vợ chồng chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như nêu trên và nay anh C cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm; bỏ mặc, không quan tâm đến kết quả giải quyết ly hôn tại Tòa án. Do đó,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị, cho chị được ly hôn với anh C là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung Lê Minh C1, sinh năm xxxx và Lê Minh T, sinh ngày xxxx hiện đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H yêu cầu xin ly hôn nên chị phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *- Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Minh C.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028639 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã K, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.